



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HANEL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Hanel (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Quốc Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên
Bà Bùi Thị Hải Yến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc (thôi giữ chức vụ từ ngày 20/10/2015)
Bà Đoàn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc (thôi giữ chức vụ từ ngày 20/10/2015)
Ông Hoàng Quốc Quân	Phó Tổng Giám đốc (thôi giữ chức vụ từ ngày 20/10/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2015

Số: 307 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Hanel**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Hanel (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30/11/2015, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có các khoản công nợ tồn đọng quá hạn thanh toán với số tiền 15,1 tỷ đồng tại các công ty con, Công ty chưa thực hiện đánh giá trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho các khoản công nợ này. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến đánh giá về giá trị của những khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng của chúng tới những khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tiến hành điều chỉnh số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014; theo đó, tổng tài sản đã giảm 3,2 tỷ đồng do Công ty đã ghi giảm giá trị hàng tồn kho không cần dùng chờ thanh lý với số tiền 9,5 tỷ đồng và giảm giá trị dự phòng hàng tồn kho tương ứng là 6,3 tỷ đồng. Tuy nhiên, việc thanh lý hàng tồn kho được thực hiện trong tháng 07/2015 và các thủ tục liên quan đến thanh lý hàng tồn kho được thực hiện trong năm 2015.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Hanel tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 09 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản nợ phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành với giá trị 28,96 tỷ đồng, Công ty đang đánh giá là nợ quá hạn khó thu hồi và đã gửi Công văn thu hồi công nợ lần thứ 4 số 333/CV-HANEL ngày 20/06/2015 nhưng đến thời điểm phát hành báo cáo này, khoản công nợ này vẫn chưa thu hồi được. Theo quy định tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty lấy số liệu báo cáo tài chính năm tại thời điểm 31/12/2014 để làm căn cứ xác định giá trị doanh nghiệp, nên Công ty không được trích lập dự phòng khoản nợ phải thu này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, theo Công văn số 521/BTC-TCDN ngày 15/01/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 376/VP-KT ngày 20/01/2015 của Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản công nợ Cuba, Công ty đã trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu dài hạn Cuba với mức trích lập là 30%/tổng giá trị khoản nợ tại thời điểm trích lập, giá trị tương ứng là 297.057.573.079 đồng. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, theo Nghị quyết số 08-01/BBNQ-HĐTV-HANEL ngày 11/08/2015 của Hội đồng Thành viên về việc phân phối lợi nhuận sau thuế từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, Công ty đã trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế để bổ sung vốn điều lệ với số tiền 24,2 tỷ đồng. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiên
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Chữ Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		867.299.440.254	1.358.752.088.989
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	124.540.543.608	467.631.476.669
1. Tiền	111		95.956.384.236	353.839.809.048
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.584.159.372	113.791.667.621
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	92.003.750.000	77.535.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		92.003.750.000	77.535.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		461.146.124.179	621.320.884.620
1. Phải thu khách hàng	131	7	226.285.026.467	238.531.761.880
2. Trả trước cho người bán	132	8	74.995.998.146	119.234.455.057
3. Các khoản phải thu khác	135	9	185.680.959.207	289.457.690.160
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(25.815.859.641)	(25.903.022.477)
IV. Hàng tồn kho	140	10	98.631.529.510	146.040.738.348
1. Hàng tồn kho	141		98.718.503.006	155.565.497.702
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(86.973.496)	(9.524.759.354)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		90.977.492.957	46.223.989.352
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.162.158.750	2.413.813.755
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.662.419.688	28.852.035.217
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	59.711.345.966	548.509.797
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	9.441.568.553	14.409.630.583
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		2.035.376.002.934	3.124.600.848.949
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	13	693.134.337.185	1.288.521.856.977
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		990.191.910.264	1.288.521.856.977
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(297.057.573.079)	-
II. Tài sản cố định	220		1.001.240.195.264	895.712.039.400
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	152.810.754.472	117.075.173.761
- Nguyên giá	222		661.968.805.176	656.157.882.428
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(509.158.050.704)	(539.082.708.667)
2. Tài sản cố định vô hình	227		(2.976.479.126)	235.956.000
- Nguyên giá	228		1.493.844.673	900.017.322
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.470.323.799)	(664.061.322)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	851.405.919.918	778.400.909.639
III. Bất động sản đầu tư	240		4.575.242.992	-
- Nguyên giá	241		4.670.096.027	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(94.853.035)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		323.934.732.055	927.729.493.654
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	433.177.673.004	1.013.549.365.346
2. Góp vốn liên doanh	253	17	99.981.112.274	90.914.185.138
3. Đầu tư dài hạn khác	258	18	48.527.640.000	81.017.636.393
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	19	(257.751.693.223)	(257.751.693.223)
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.068.901.073	19.958.819.539
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	20	15.066.701.073	16.913.656.757
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	2.006.162.782
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.002.200.000	1.039.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		(3.577.405.635)	(7.321.360.621)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.902.675.443.188	4.483.352.937.938

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014 (trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.269.633.850.986	2.769.641.980.474
I. Nợ ngắn hạn	310		392.407.013.004	1.322.239.719.623
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	71.503.204.379	293.387.736.499
2. Phải trả người bán	312	22	128.656.665.569	187.169.952.969
3. Người mua trả tiền trước	313	23	23.927.421.959	215.925.565.544
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	24	22.332.610.864	321.090.810.080
5. Phải trả người lao động	315		14.963.140.790	8.119.593.662
6. Chi phí phải trả	316		20.243.907.264	5.582.131.769
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	107.440.581.912	275.749.580.057
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	2.664.562.433
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.339.480.267	12.549.786.610
II. Nợ dài hạn	330		877.226.837.982	1.447.402.260.851
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.365.867.500	850.909.689
2. Vay và nợ dài hạn	334	26	702.593.841.611	1.341.781.139.324
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	27	58.338.082.239	69.864.758.392
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	28	113.929.046.632	34.905.453.446
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1.542.980.805.772	1.632.915.896.969
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.542.972.330.441	1.632.907.421.638
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	29	1.426.798.081.918	1.390.931.982.238
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	29	8.423.387.217	6.084.043.425
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	29	3.113.976.953	34.756.277.728
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	29	156.298.372	178.227.605
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	29	104.485.180.330	200.956.890.642
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		(4.594.349)	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		8.475.331	8.475.331
1. Nguồn kinh phí	432		8.475.331	8.475.331
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		90.060.786.430	80.795.060.495
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		2.902.675.443.188	4.483.352.937.938


Đỗ Thị Mai Hà
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2015


Lữ Thị Khánh Trân
Phó phòng Kế toán - Tài vụ



Nguyễn Quốc Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013 (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.151.132.085.093	888.689.943.899
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.928.838.729	16.496.423.911
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	1.144.203.246.364	872.193.519.988
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	1.010.935.060.592	775.902.586.712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		133.268.185.772	96.290.933.276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	517.962.386.745	101.579.877.743
7. Chi phí tài chính	22	33	198.801.206.453	281.071.378.047
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		168.724.222.439	38.694.450.820
8. Chi phí bán hàng	24		40.336.532.910	38.237.114.520
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		396.161.600.387	91.292.817.343
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		15.931.232.767	(212.730.498.891)
11. Thu nhập khác	31		81.427.510.440	308.428.237.072
12. Chi phí khác	32		38.345.394.827	24.965.463.868
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	34	43.082.115.613	283.462.773.204
14. Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	45		56.228.882.588	279.857.123.920
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		115.242.230.968	350.589.398.233
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	11.207.653.003	28.334.537.627
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	(16.248.761.049)	1.604.733.987
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		120.283.339.014	320.650.126.619
Trong đó:				
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	62		4.136.572.696	9.811.535.740
18.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ	63		116.146.766.318	310.838.590.879



Đỗ Thị Mai Hà
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2015



Lữ Thị Khánh Trân
Phó phòng Kế toán - Tài vụ





Nguyễn Quốc Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	115.242.230.968	350.589.398.233
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	36.711.065.505	34.994.467.330
Các khoản dự phòng	3	287.532.624.385	277.732.783.249
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	4.318.809.530	(17.581.181.646)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(506.197.060.418)	(196.967.604.918)
Chi phí lãi vay	6	168.724.222.439	38.694.450.820
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	106.331.892.409	487.462.313.068
Thay đổi các khoản phải thu	9	798.088.642.231	555.532.680.347
Thay đổi hàng tồn kho	10	56.846.994.696	(21.356.718.877)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(744.532.860.532)	(53.214.589.300)
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.098.610.689	(5.568.443.864)
Tiền lãi vay đã trả	13	(122.012.436.835)	(45.279.023.802)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(110.481.250.185)	(69.861.855.466)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	265.690.595	1.375.050.323
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(77.140.820.998)	(324.891.766.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(90.535.537.930)	524.197.646.080
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(49.210.924.905)	(208.467.797.642)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	508.343.524	8.050.052.488
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(152.550.000.000)	(28.040.414.041)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	249.849.670.000	11.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(21.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	564.144.000.000	4.240.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	40.610.051.864	42.284.303.944
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	631.851.140.483	(170.633.855.251)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	656.045.798.617	553.942.761.750
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.540.186.643.636)	(579.182.154.221)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(884.140.845.019)	(25.239.392.471)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(342.825.242.466)	328.324.398.358
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	467.631.476.669	140.682.128.634
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(265.690.595)	(1.375.050.323)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	124.540.543.608	467.631.476.669


Đỗ Thị Mai Hà
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2015


Lữ Thị Khánh Trân
Phó phòng Kế toán - Tài vụ


Nguyễn Quốc Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Hanel là doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Quyết định số 8733/QĐ-TCCQ ngày 17/12/1984 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 16/06/2011. Vốn điều lệ của theo đăng ký là 1.136.600.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 7844/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Hanel, vốn điều lệ của Công ty là 1.983.550.000.000 đồng, giá trị vốn điều lệ của Công ty được bổ sung trong vòng 03 (ba) năm kể từ ngày được phê duyệt vốn điều lệ mới theo quy định.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm, xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho đơn vị kinh tế khác.

- Kinh doanh hàng hóa viễn thông, điện tử, máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Xuất bản phần mềm; kinh doanh;
- Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (không bao gồm sản xuất phim), ghi âm, truyền dẫn số mặt đất;
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông; Lập trình máy vi tính; Thiết kế website, báo điện tử, tạp chí; Xuất bản báo điện tử; Hoạt động dịch vụ cung cấp thông tin;
- Sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; sản xuất sợi, vải dệt và hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy;
- In, sao chép bản ghi các loại; Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác;
- Sản xuất kim loại; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị, vũ khí, đạn dược);
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học;
- Sản xuất thiết bị điện; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất phương tiện vận tải khác; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; công nghiệp chế biến, chế tạo;
- Bán buôn, bán lẻ máy móc, thiết bị, phụ tùng máy, vật tư, nguyên liệu dùng trong các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, hàng hải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động kiến trúc (7110) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề); Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (7120);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Quảng cáo và nghiên cứu thị trường; Tư vấn, môi giới, định giá, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí;
- Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình, cho thuê tài sản vô hình phi tài chính; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép); Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ khác, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác;
- Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô; Vận tải đường thủy; Đại lý dịch vụ vận tải hàng không;
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải; dịch vụ chuyên phát; Giáo dục nghề nghiệp; Đào tạo cao đẳng (chỉ được hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho các đơn vị kinh tế khác;
- Và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được cấp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên Hanel được lập trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính riêng của các công ty con sau:

Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Quyền biểu quyết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	61,00%	61,00%	Số 02 Chùa Bộc, Trung tự, Đống Đa, HN
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Hanel	51,00%	51,00%	Số 02 Chùa Bộc, Trung tự, Đống Đa, HN
Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa	56,28%	56,28%	B15, đường số 6, KCN Sài Đồng B, HN
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Hanel	66,02%	66,02%	Số 165, Thái Hà, Láng Hạ, Đống Đa, HN
Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm Hanel	51,00%	51,00%	Số 02 Chùa Bộc, Trung tự, Đống Đa, HN
Công ty Cổ phần Dịch vụ khu công nghiệp Hanel	51,00%	51,00%	KCN Sài Đồng B, Long Biên, HN
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Hanel	51,00%	51,00%	Số 105, A2, Khương Thượng, Đống Đa, HN
Công ty Cổ phần Đầu tư và Đào tạo dạy nghề Hanel	51,00%	51,00%	Số 38/27, ngõ 41, phố Vọng, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Công ty Cổ phần Điện tử Công nghệ cao Hanel	68,01%	68,01%	KCN Sài Đồng B, Long Biên, HN
Công ty Cổ phần Hanel Mobile	69,16%	69,16%	Số 02 Chùa Bộc, Trung tự, Đống Đa, HN
Công ty TNHH Dehaco	96,60%	96,60%	KCN Sài Đồng B, Long Biên, HN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 là báo cáo tài chính được sử dụng cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp theo các quy định về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần và theo quy định tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, nên Công ty không được trích lập thêm dự phòng khoản nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Theo Công văn số 521/BTC-TCDN ngày 15/01/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 376/VP-KT ngày 20/01/2015 của Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản công nợ Cuba, Công ty đã trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu dài hạn Cuba với mức trích lập là 30%/tổng giá trị khoản nợ tại thời điểm trích lập.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính
	(năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 28
Máy móc và thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	07 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác khi các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 03 (ba) năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là số vốn điều lệ và vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận theo quy định hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	10.797.667.002	8.983.577.831
Tiền gửi ngân hàng	85.158.717.234	344.856.231.217
Các khoản tương đương tiền (i)	28.584.159.372	113.791.667.621
Cộng	<u>124.540.543.608</u>	<u>467.631.476.669</u>

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi từ 03 tháng trở xuống tại các tổ chức tín dụng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn	92.003.750.000	77.535.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm tại Ngân hàng	8.450.000.000	4.400.000.000
- Công ty TNHH HANEL - CSF	3.135.000.000	3.135.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển N&G vay	80.418.750.000	70.000.000.000
Cộng	<u>92.003.750.000</u>	<u>77.535.000.000</u>

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Quang Trung	16.646.608.478	16.646.608.478
Ban quản lý dự án 4 - Tổng cục đường bộ	16.138.171.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Himlambc	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tài nguyên Đông Dương	14.839.971.500	-
Công ty TNHH Canon VN	10.758.880.920	6.503.713.450
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	8.646.446.013	5.391.466.760
TT Sony Center Chùa Bộc	8.112.315.016	7.868.969.696
Công ty TNHH Hanel CSF	6.790.441.700	6.510.120.000
Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam	6.662.196.785	2.374.920.993
Công ty TNHH Ariston Thermo Việt Nam	6.028.505.663	2.386.459.226
VP Đại diện AOC Việt Nam	4.996.519.449	5.802.959.164
Công ty TNHH TM và Công nghiệp Mỹ Việt	3.653.493.561	2.973.718.306
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ NAKIO	3.354.719.888	3.013.159.851
Công ty TNHH máy tính Phú Cường	3.177.740.000	1.311.109.267
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và dịch vụ tin học	2.566.246.054	4.755.586.600
Viện Bảo tồn di tích	2.361.502.000	-
Trần Quý Thái	1.193.789.000	3.193.789.000
Công ty TNHH Đầu tư công nghệ và thiết bị Gia Nguyên	1.133.586.742	10.896.793.371
Công ty CP viễn thông điện tử VINACAP	93.000.900	20.293.785.350
Công ty CP Đầu tư và sản xuất Thiên Hà	-	27.602.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà nội (TELECOM)	-	11.986.338.961
Công ty điện tử Hoàn Kiếm	-	11.125.497.000
Cục ứng dụng công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông	-	2.828.582.000
Sở Văn hóa thể thao và Du lịch Hà Nội	-	2.662.080.000
MMD Singapore PTE., LTD	-	1.087.814.000
Các đối tượng khác	94.130.891.798	81.315.790.407
Cộng	<u>226.285.026.467</u>	<u>238.531.761.880</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt	29.577.000.000	71.500.000.001
Công ty CP Đầu tư và Phát triển XD Thăng Long	31.460.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại và sản xuất điện - điện tử Việt-Newtec	4.055.950.327	1.563.182.947
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển N & G	3.000.000.000	
COCCOLO CORPORATION	-	5.538.888.008
Công ty Acer Asia Pacific	-	4.360.102.128
TPV Display Technology	-	4.829.822.893
Công ty Liên doanh tư vấn & phát triển đầu tư VIKOA	-	2.400.000.000
Công ty số số Pacific (PLC)	-	2.965.300.320
Azusa Sekkei Co., Ltd	-	1.517.204.680
Sichuan Changhong Electric Co., Ltd	-	422.053.642
Công ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt Nam	-	444.443.200
Công ty TNHH Nhà nước MTV địa chính Hà Nội	-	313.000.000
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	-	298.040.041
Các đối tượng khác	6.903.047.819	23.082.417.197
Cộng	<u>74.995.998.146</u>	<u>119.234.455.057</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Hợp Thành 1 (i)	107.661.540.990	-
Công ty CP Đầu tư & Khoáng sản Hợp Thành (i)	28.968.702.925	133.579.861.604
Công ty CP Đầu tư phát triển N & G	15.502.956.164	12.833.611.111
Lãi vay trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	15.465.292.559	8.463.954.374
Công ty CP Truyền thông Hanel	5.628.582.021	4.863.832.021
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Sài Đồng		101.260.821.966
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vinh Hưng	-	4.480.809.541
Phạm Quang Sơn	-	3.000.000.000
Công ty CP Sản xuất điện tử công nghệ cao Hanel	-	2.180.250.000
Công ty TNHH HANEL - CSF	-	1.410.750.000
Các đối tượng khác	12.453.884.548	17.383.799.543
Cộng	<u>185.680.959.207</u>	<u>289.457.690.160</u>

Ghi chú:

- (i) Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Deaha cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành, và theo Thỏa thuận công nợ 3 bên; Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành sẽ bồi hoàn toàn bộ chi phí tư vấn mà Công ty đã chi trả, do đó, Công ty đã ghi nhận giá trị phí tư vấn và lãi phát sinh chậm thanh toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành số tiền 28.968.702.925 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, khoản nợ này đã quá hạn chưa được Công ty Cổ phần và Khoáng sản Hợp Thành thanh toán. Theo quy định tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC, Công ty không được trích lập dự phòng cho khoản nợ này.
- (ii) Lãi vay Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) liên quan đến giá trị gốc vay để thực hiện hợp đồng xuất khẩu máy tính cho Grupo De La Electronica tại Cộng hòa Cuba; giá trị lãi vay này tương ứng với việc Công ty tính lãi chậm trả đối với khoản phải thu Grupo De La Electronica theo Thỏa thuận về lịch trả nợ đã được ký kết với Grupo De La Electronica. Do đó, Công ty đã ghi nhận khoản lãi vay chi trả cho VCB như một khoản phải thu lại từ Grupo De La Electronica.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	(trình bày lại) VND
Hàng mua đang đi đường	-	2.564.812.800
Nguyên liệu, vật liệu	13.615.225.795	24.441.141.619
Công cụ, dụng cụ	89.433.182	97.979.417
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.482.656.552	4.430.939.374
Thành phẩm	9.890.419.135	11.211.241.087
Hàng hoá	61.640.768.342	112.819.383.405
Cộng	98.718.503.006	155.565.497.702
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(86.973.496)	(9.524.759.354)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	98.631.529.510	146.040.738.348

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích bổ sung trong năm cho các hàng hóa có giá bán thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được là 2.933.964.584 đồng.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa cho Nhà nước	59.528.559.644	8.085.144
Các khoản khác phải thu Nhà nước	182.786.322	540.424.653
Cộng	59.711.345.966	548.509.797

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	7.214.176.806	13.111.006.424
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.227.391.747	1.298.624.159
Cộng	9.441.568.553	14.409.630.583

13. PHẢI THU DÀI HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Tại ngày 31/12/2014, phải thu dài hạn là 990.191.910.264 đồng, đây là số dư nợ gốc về cung cấp hàng hóa cho Cộng hòa Cuba (tại ngày 01/01/2014 là 1.288.521.856.977 đồng); số dư này không bao gồm các khoản lãi chậm thanh toán theo Thỏa thuận đã được ký kết với Grupo De La Electronica của Cộng hòa Cuba, khoản nợ sẽ được Grupo De La Electronica thanh toán đến hết 31/12/2019 về lịch trả nợ. Ban Tổng Giám đốc xem xét một cách thận trọng trên cơ sở bản chất và thực tế tình hình thanh toán trong quá khứ cũng như khả năng thanh toán tiếp theo của đối tác, nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định chưa ghi nhận ngay vào thu nhập khoản lãi chậm trả theo như thỏa thuận. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng việc ghi nhận này là phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo nguyên tắc thận trọng và phản ánh đúng tình hình thu nhập cũng như tình hình tài chính của Công ty; đồng thời, trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn cho số dư nợ gốc này là 297.057.573.079 đồng.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	178.835.112.696	448.019.274.424	21.997.345.522	7.028.040.185	278.109.601	656.157.882.428
Tăng trong năm	13.725.890.513	6.724.860.499	256.777.545	301.040.091	620.901.430	21.629.470.078
Mua sắm	464.876.100	936.979.680	256.777.545	79.120.000	-	1.737.753.325
Đầu tư, XD CB	13.261.014.413	5.545.821.867	-	221.920.091	-	19.028.756.371
Tăng khác	-	242.058.952	-	-	620.901.430	862.960.382
Giảm trong năm	(4.370.472.642)	(4.570.834.132)	(3.578.340.475)	(3.262.849.432)	(36.050.649)	(15.818.547.330)
Thanh lý, nhượng bán	(2.459.037.097)	-	(687.988.062)	(1.001.334.640)	-	(4.148.359.799)
Giảm khác	(1.911.435.545)	(4.570.834.132)	(2.890.352.413)	(2.261.514.792)	(36.050.649)	(11.670.187.531)
Tại ngày 31/12/2014	188.190.530.567	450.173.300.791	18.675.782.592	4.066.230.844	862.960.382	661.968.805.176
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	132.773.740.331	387.858.517.857	11.922.669.881	6.293.339.796	234.440.802	539.082.708.667
Khấu hao trong năm	9.655.093.218	20.310.333.105	1.874.126.209	796.393.257	521.323.335	33.157.269.124
Thanh lý, nhượng bán	(1.826.680.869)	-	(603.893.753)	(962.407.367)	-	(3.392.981.989)
Tăng/(Giảm) khác	(49.632.801.605)	(5.222.017.050)	(2.031.228.295)	(2.553.221.046)	(249.677.102)	(59.688.945.098)
Tại ngày 31/12/2014	90.969.351.075	402.946.833.912	11.161.674.042	3.574.104.640	506.087.035	509.158.050.704
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2014	46.061.372.365	60.160.756.567	10.074.675.641	734.700.389	43.668.799	117.075.173.761
Tại ngày 31/12/2014	97.221.179.492	47.226.466.879	7.514.108.550	492.126.204	356.873.347	152.810.754.472

Tại ngày 31/12/2014, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 46.428.419.138 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 20.617.001.864 đồng).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	851.405.919.918	778.400.909.639
<i>Một số công trình chính:</i>		
- Khu đô thị - Công viên công nghệ phần mềm HN	607.684.137.134	551.862.793.859
- Dự án Cảng cạn tại xã Cổ Bi-Gia Lâm	188.640.083.618	154.773.606.468
- Tháo TMDT và Văn phòng Hanel tại E9 Phạm Hùng	49.717.859.928	49.501.829.261
- Các căn hộ Chung cư Thái Hà		10.871.465.538
- Hệ thống thoát nước thải tại KCN Sài đồng B	1.414.485.137	
- Các công trình khác	3.949.354.101	11.391.214.513

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

a. Chi tiết số lượng cổ phiếu và giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2014			01/01/2014		
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %
Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Đồng	-	-	0,00%	24.000.000	240.000.000.000	20,00%
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn (i)	8.100.000	81.000.000.000	27,00%	8.100.000	81.000.000.000	27,00%
Công ty CP công nghệ thê NACENCOMM	300.000	5.400.000.000	25,46%	300.000	5.400.000.000	25,46%
Công ty CB Biển Bạc	500.000	5.000.000.000	20,00%	500.000	5.000.000.000	20,00%
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt	240.000	2.400.000.000	20,00%	240.000	2.400.000.000	20,00%
Công ty CP Hanel Telecom	180.000	1.800.000.000	30,00%	180.000	1.800.000.000	30,00%
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	8.000	800.000.000	20,00%	8.000	800.000.000	20,00%
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	60.000	600.000.000	30,00%	60.000	850.000.000	30,00%
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	9.000	900.000.000	30,00%	9.000	900.000.000	30,00%
Công ty CP Deaha	27.230.956	151.861.443.000	30,0%	27.230.956	151.861.443.000	30,00%
Công ty CP Đô thị Sinh thái Văn Nội	-	-	0,0%	300.000	3.000.000.000	10,0%
Công ty CP Công nghệ Hanel - DTT (ii)	33.320	333.200.000	49,00%	33.320	333.200.000	49,00%
Công ty TNHH HANEL - CSF	-	4.870.000.000	25,00%	-	4.870.000.000	25,00%
Công ty CP Tân Tạo - Hanel	54.365	543.645.600	20,00%	54.365	543.645.600	20,00%
Công ty CP Du lịch & Khai khoáng Bắc Kạn	3.000	30.000.000	20,00%	3.000	30.000.000	20,00%
Công ty CP Truyền dẫn, phát sóng truyền hình đồng bằng Sông Hồng	-	3.000.000.000	30,00%	-	-	0,00%
Công ty CP Vệ giao thông công cộng Hà Nội	-	500.000.000	25,00%	-	-	0,00%
<i>Giá trị đầu tư tăng thêm từ tài sản thuần của các công ty liên kết</i>		<i>174.139.384.404</i>			<i>514.761.076.746</i>	
Cộng		433.177.673.004			1.013.549.365.346	

b. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn (i)	Hà Nội	27,00%	27,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty CP công nghệ thê NACENCOMM	Hà Nội	25,46%	25,46%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CB Biển Bạc	Hà Nội	20,00%	20,00%	Thương mại; dịch vụ; du lịch
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt	Hà Nội	20,00%	20,00%	Đầu tư, Xây dựng
Công ty CP Hanel Telecom	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	Hà Nội	20,00%	20,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Deaha	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ
Công ty CP Đô thị Sinh thái Văn Nội	Hà Nội	0,00%	0,00%	Đào tạo, giáo dục
Công ty CP Công nghệ Hanel - DTT (ii)	Hà Nội	49,00%	49,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty TNHH HANEL - CSF	Hà Nội	25,00%	25,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Tân Tạo - Hanel	Hà Nội	20,00%	20,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty CP Du lịch & Khai khoáng Bắc Kạn	Hà Nội	20,00%	20,00%	Khai thác khoáng sản và du lịch
Công ty CP Truyền dẫn, phát sóng truyền hình đồng bằng Sông Hồng	Hà Nội	30,00%	30,00%	Công nghệ thông tin, truyền thông
Công ty CP Vệ giao thông công cộng Hà Nội	Hà Nội	25,00%	25,00%	Vận tải công cộng

c. Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng tài sản	2.279.496.545.133	14.987.548.527.309
Tổng công nợ	781.204.335.596	10.769.094.247.397
Tài sản thuần	1.498.292.209.537	4.218.454.279.912
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	433.177.673.004	1.013.549.365.346
	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	628.536.491.795	5.631.521.321.936
Lợi nhuận thuần	73.347.627.183	1.241.720.394.578
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	24.830.730.740	254.252.623.421

17. GÓP VỐN LIÊN DOANH

a. Chi tiết giá trị khoản đầu tư góp vốn liên doanh

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH hệ thống dây SUMI-HANEL	23.623.899.960	23.623.899.960
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	232.234.967.217	232.234.967.217
Công ty TNHH tiếp vận Thăng Long	5.745.362.358	5.745.362.358
Giá trị đầu tư tăng thêm từ tài sản thuần của các công ty liên doanh	(161.623.117.261)	(170.690.044.397)
Cộng	99.981.112.274	90.914.185.138

b. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng tài sản	1.295.983.676.635	1.234.721.873.450
Tổng công nợ	805.030.169.130	779.223.610.152
Tài sản thuần	490.953.507.505	455.498.263.298
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào liên doanh	99.981.112.274	90.914.185.138

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	5.406.842.873.311	4.830.784.922.487
Lợi nhuận thuần	137.703.103.532	113.270.133.629
Phần lợi nhuận thuần của Công ty trong liên doanh	31.398.151.848	25.604.500.499

c. Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động (%)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH hệ thống dây SUMI-HANEL	Hà Nội	30,00%	50,00%	Sản xuất và tiêu thụ mạng dây điện và điện tử cho CN ô tô
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	Hà Nội	30,00%	50,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	Hà Nội	10,00%	50,00%	Điều hành trung tâm tiếp vận, điều hành kho bãi container, làm thủ tục hải quan, vận tải nội địa...

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014			01/01/2014		
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển N & G	-	-	-	3.000.000	54.000.000.000	10,0%
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội (TELECOM)	1.800.000	18.000.000.000	1,12%	1.800.000	17.999.996.393	1,12%
Công ty Cổ phần bảo hiểm Petrolimex	708.924	6.887.640.000	0,06%	708.924	6.887.640.000	0,06%
Công ty Cổ phần đầu tư Hanpad	20.000	2.000.000.000	8,34%	20.000	2.000.000.000	8,34%
Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	13.000	130.000.000	0,87%	13.000	130.000.000	0,87%
Công ty CP Cơ khí điện tử và Tự động hóa	51.000	510.000.000	16,84%	-	-	-
Công ty CP Đô thị Sinh thái Văn Nội	2.100.000	21.000.000.000	3,00%	-	-	-
Cộng	48.527.640.000	48.527.640.000	100,00%	81.017.636.393	81.017.636.393	100,00%

19. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết	239.751.696.830	239.751.696.830
- Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	600.000.000	600.000.000
- Công ty CP Hanel Telecom	1.800.000.000	1.800.000.000
- Công ty CP Công nghệ Hưng Phát	239.757.114	239.757.114
- Công ty TNHH Đèn hình Orion-Hanel	232.234.967.217	232.234.967.217
- Công ty CP Công nghệ Hanel-DTT	4.756.883	4.756.883
- Công ty CP Sinh Thái Vân Nội	2.215.616	2.215.616
- Công ty TNHH Hanel-CSF	4.870.000.000	4.870.000.000
 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	 17.999.996.393	 17.999.996.393
- Công ty CP Viễn thông Hà Nội	17.999.996.393	17.999.996.393
Cộng	257.751.693.223	257.751.693.223

20. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	-	469.681.847
Giá trị Chi phí Sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	5.703.801.517	992.970.760
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.543.607.912	3.266.307.187
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.819.291.644	12.184.696.963
Cộng	15.066.701.073	16.913.656.757

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	71.503.204.379	293.387.736.499
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	71.503.204.379	293.387.736.499

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay tại các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp và các cá nhân khác theo các hợp đồng vay, kế ước nhận nợ ngắn hạn từng lần để bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động kinh doanh, chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng	69.408.684.379	235.821.910.699
Ngân hàng TMCP Quân đội	39.999.999.999	69.619.551.889
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	14.685.000.000	136.371.089.597
Ngân hàng Ngoại thương - CN Chương Dương	14.723.684.380	21.860.932.671
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam	-	7.970.336.542
Vay ngắn hạn các từ các doanh nghiệp khác	1.300.000.000	46.103.000.000
Công ty CP Xây dựng Hanel	-	41.923.000.000
Công ty CP Công nghệ thẻ NACENCOMM	1.300.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Đô thị Sinh thái Vân Nội	-	180.000.000
Vay các cá nhân	794.520.000	11.462.825.800
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	71.503.204.379	293.387.736.499

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viễn thông điện tử VINACAP	23.986.275.594	77.346.596.964
Top Victory Invesments Limited	22.953.096.435	18.481.098.657
Công ty TNHH Marubeni Chemical Asia Pacific PTE	13.615.639.200	-
Ming DiH Industry Co., Ltd	6.526.886.400	2.509.958.400
Công ty TNHH TM than khoáng sản Hoàng Phát	4.119.990.325	2.469.821.035
Công ty TNHH Pan Chemical	2.687.530.140	-
Công ty đầu tư XD Hà Nội	630.198.983	630.198.983
Công ty ĐTPT Hạ tầng đô thị	638.613.178	577.385.178
Công ty CP Đầu tư và sản xuất Thiên Hà	-	20.154.075.100
Công ty Cổ phần Vật liệu Điện tử	-	11.125.496.937
NTE-Nguyen Technologies & Electrical Equipment	-	7.018.619.328
Công ty Cổ phần Tập đoàn IDC	-	5.405.672.880
Dell Global	-	4.648.420.443
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Chung Anh	-	3.282.268.000
Công ty TNHH Acer Việt Nam	-	68.809.639
Các đối tượng khác	53.498.435.314	33.451.531.425
Cộng	128.656.665.569	187.169.952.969

23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Tháp Láng Hạ	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà nội (TELECOM)	11.902.033.451	-
Công ty Cổ phần Đầu tư HIMLAMBC	391.633.950	-
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	-	200.000.000.000
Ban Quản lý Dự án 4 - Tổng Cục đường bộ	-	4.786.225.000
Các đối tượng khác	1.633.754.558	11.139.340.544
Cộng	23.927.421.959	215.925.565.544

24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	3.795.028.908	1.004.461.151
Thuế xuất nhập khẩu	40.146.079	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.941.283.397	19.079.774.323
Thuế thu nhập cá nhân	472.293.972	506.662.723
Thuế nhà đất	10.083.858.508	-
Tiền thuê đất	-	299.635.823.689
Các loại thuế khác	-	3.603.885
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	860.484.309
Cộng	22.332.610.864	321.090.810.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	70.220.000.000	-
Tiền thưởng phải trả CBCNV	8.973.736.634	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà nội (TELECOM)	5.333.882.400	-
Công ty TNHH đèn hình Orion-Hanel	3.222.830.620	-
Thuế nhà thầu AZUSA	907.970.904	-
Công ty TNHH máy tính CMS	-	3.269.043.422
Công ty Cổ phần Giấy Hải Tiến	-	4.734.671.463
Công ty cổ phần đầu tư phát triển N & G	-	41.000.000.000
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	-	11.230.685.000
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Sài Đồng	-	200.000.000.000
Phải trả Ngân sách Nhà nước	3.541.483.685	-
Các đối tượng khác	15.240.677.669	15.515.180.172
Cộng	<u>107.440.581.912</u>	<u>275.749.580.057</u>

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	702.503.391.611	1.341.781.139.324
Nợ dài hạn khác	90.450.000	-
Cộng	<u>702.593.841.611</u>	<u>1.341.781.139.324</u>

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay có kỳ hạn trung và dài hạn tại các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác cho các dự án đầu tư, kinh doanh dài hạn của Công ty theo các hợp đồng vay vốn trung và dài hạn, chi tiết khoản vay dài hạn như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay dài hạn từ các tổ chức tín dụng	<u>702.503.391.611</u>	<u>1.031.561.139.324</u>
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I</i>	650.236.673.306	839.538.377.738
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội</i>	52.266.718.305	114.565.958.921
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương</i>	-	9.341.676.207
<i>Ngân hàng TMCP Bưu điện - Liên Việt</i>	-	68.115.126.458
Vay dài hạn từ các doanh nghiệp khác	<u>90.450.000</u>	<u>310.220.000.000</u>
<i>Công ty CP Tập đoàn Vingroup</i>	-	240.000.000.000
<i>Công ty CP Bất động sản Hanel - Himlam</i>	-	70.220.000.000
<i>Nợ dài hạn khác</i>	90.450.000	-
Cộng	<u>702.593.841.611</u>	<u>1.341.781.139.324</u>

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty không xác định các khoản nợ dài hạn đến trả, các khoản nợ được thanh toán theo thực tế thu tiền gốc vay của ngân hàng; các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp từng lần.

27. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ở thời điểm cuối năm tài chính.

	Lỗ chênh lệch tỷ giá hồi đoái chưa thực hiện	Các khoản lỗ tính thuế	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	68.260.024.405	-	68.260.024.405
Chuyển sang vốn chủ sở hữu trong năm	(5.343.993.504)	2.746.693.607	(2.597.299.897)
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm	4.202.033.884	-	4.202.033.884
Tại ngày 01/01/2014	67.118.064.785	2.746.693.607	69.864.758.392
Chuyển sang vốn chủ sở hữu trong năm	(18.889.901.565)	(2.746.693.607)	(21.636.595.172)
Bổ sung chênh lệch tỷ giá đánh giá năm 2008	7.454.299.988	-	7.454.299.988
Chênh lệch tỷ giá hồi đoái chưa thực hiện	115.982.444	-	115.982.444
Tại ngày 31/12/2014	55.798.445.652	-	55.798.445.652

Chi tiết thuế hoãn lại phải trả:

Đánh giá chênh lệch tỷ giá Phải thu dài hạn-CUBA	Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
	VND	VND
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2008	47.269.052.566	11.817.263.142
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2009	58.920.155.118	14.730.038.780
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2010	60.570.408.424	15.142.602.106
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2011	115.884.454.463	28.971.113.616
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2012	(1.388.530.350)	(347.132.588)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2013	17.033.918.870	4.258.479.718
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2014	527.192.928	115.982.444
Cộng	298.816.652.019	74.688.347.217

Hoàn nhập thuế hoãn lại phải trả của gốc ngoại tệ đã đánh giá chênh lệch tỷ giá sau:

Tại thời điểm đánh giá 31/12/2008	(14.557.165.304)	(3.639.291.326)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2009	(14.252.630.412)	(3.563.157.603)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2010	(14.651.822.343)	(3.662.955.585,75)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2011	(28.032.144.463)	(7.008.036.115,75)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2013	(4.065.843.738)	(1.016.460.934)
Cộng	(75.559.606.260)	(18.889.901.565)
Hợp nhất báo cáo tài chính	11.543.802.666	2.539.636.587
Thuế hoãn lại phải trả tại 31/12/2014		58.338.082.239

Trong năm, Công ty đã thu hồi được một phần công nợ phải thu Grupo De La Electronica của Cộng hòa Cuba, theo đó chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện phát sinh tại các thời điểm đánh giá chênh lệch tỷ giá khoản phải thu này được ghi nhận vào thu nhập chịu thuế trong năm 2014, vì vậy giá trị thuế hoãn lại phải trả được hoàn nhập tương ứng.

28. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh giá trị tiền thu trước từ việc cho thuê lại quyền sử dụng đất, mặt bằng nhà xưởng tại thời điểm 31/12/2014 là 113.929.046.632 đồng (tại 31/12/2013 là 34.905.453.446 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn CSH
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2012	1.189.249.767.501	118.030.541.738	33.096.231.836	92.162.494.024	-
Tăng vốn trong năm	116.682.214.737	-	-	-	-
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	313.685.086.187	-
Phân phối lợi nhuận	-	4.735.716.424	1.660.045.892	(8.277.810.708)	-
Tăng / (giảm) khác	85.000.000.000	(116.682.214.737)	-	(193.766.383.553)	178.227.605
Số dư tại ngày 31/12/2013	1.390.931.982.238	6.084.043.425	34.756.277.728	203.803.385.950	178.227.605
Điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ	-	-	-	(2.846.495.308)	-
Số dư tại ngày 01/01/2014	1.390.931.982.238	6.084.043.425	34.756.277.728	200.956.890.642	178.227.605
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Tăng/(Giảm) theo TT 220	59.963.507.838	(5.020.795.398)	(30.593.092.133)	-	-
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	116.146.766.318	-
Phân phối lợi nhuận (i)	-	9.833.230.913	1.604.145.172	(54.567.183.143)	-
Tăng (Giảm) khác	(24.097.408.158)	(2.473.091.723)	(2.653.353.814)	(158.051.293.487)	(21.929.233)
Số dư tại ngày 31/12/2014	1.426.798.081.918	8.423.387.217	3.113.976.953	104.485.180.330	156.298.372

Ghi chú:

Theo Nghị quyết số 08-01/BBNQ-HĐTV-HANEL ngày 11/08/2015 của Hội đồng Thành viên, Công ty đã phân phối lợi nhuận sau thuế từ kết quả kinh doanh của năm 2014 như sau: Trích Quỹ đầu tư phát triển 29.277.868.853 đồng, trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 2.913.351.451 đồng, trích Quỹ thưởng ban điều hành 373.500.000 đồng.

b. Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 1.136.600.000.000 đồng, vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được bổ sung theo Quyết định số 7844/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp 31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Vốn Điều lệ	1.136.600.000.000	100%	1.426.798.081.918	100%
Tổng cộng	1.136.600.000.000	100%	1.426.798.081.918	100%

30. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.149.266.590.143	885.786.499.354
- Doanh thu bán hàng hoá	769.634.275.275	485.370.357.827
- Doanh thu bán thành phẩm	301.901.174.159	307.833.145.221
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.731.140.709	92.582.996.306
- Doanh kinh doanh bất động sản đầu tư	1.865.494.950	2.903.444.545
Tổng	1.151.132.085.093	888.689.943.899
Các khoản giảm trừ doanh thu	6.928.838.729	16.496.423.911
- Chiết khấu thương mại	3.355.857.082	2.406.639.344
- Giảm giá hàng bán	-	987.952.295
- Hàng bán bị trả lại	3.572.981.647	13.101.832.272
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.144.203.246.364	872.193.519.988

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Giá vốn cung cấp hàng hoá	702.342.085.924	440.900.287.266
Giá vốn cung cấp thành phẩm	253.939.721.830	260.429.996.633
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	63.691.444.965	67.761.028.226
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	1.036.668.946	3.486.510.003
Dự phòng (Hoàn nhập) Giảm giá hàng tồn kho	(10.074.861.073)	3.324.764.584
Cộng	<u>1.010.935.060.592</u>	<u>775.902.586.712</u>

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	140.669.459.043	15.681.327.292
Cổ tức, Lợi nhuận được chia	19.220.692.064	20.253.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	214.557.186	17.588.844.987
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	660.210.943	2.055.905.464
Doanh thu hoạt động tài chính khác	357.197.467.509	46.000.000.000
Cộng	<u>517.962.386.745</u>	<u>101.579.877.743</u>

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	168.724.222.439	38.694.450.820
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4.533.366.716	7.663.341
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	23.744.162.769	13.322.576.163
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(400.000.000)	229.038.554.723
Chi phí tài chính khác	2.199.454.529	8.133.000
Cộng	<u>198.801.206.453</u>	<u>281.071.378.047</u>

34. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	204.193.716	-
Hỗ trợ kinh phí cho sản xuất kinh doanh	26.102.013.333	42.000.000.000
Bán căn hộ tái định cư	-	15.115.069.683
Thu bồi thường từ TNHH Điện tử Dongbu Daewoo	-	228.392.344.898
Lãi phạt chậm trả	30.780.530.931	-
Thu nhập khác	24.340.772.460	22.920.822.491
Cộng	<u>81.427.510.440</u>	<u>308.428.237.072</u>
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản	10.694.751.914	2.846.495.308
Giá trị căn hộ tái định cư	-	2.715.782.188
Khấu hao TSCĐ không sử dụng	-	11.485.960.357
Chi phí khác	27.650.642.913	7.917.226.015
Cộng	<u>38.345.394.827</u>	<u>24.965.463.868</u>
Lợi nhuận khác	<u>43.082.115.613</u>	<u>283.462.773.204</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	115.242.230.968	350.589.398.233
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	18.700.653.433	(114.318.797.965)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	338.001.920	297.201.916.032
- Cổ tức, Lợi nhuận được chia	19.220.692.064	20.253.800.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các năm trước (i)	(75.112.103.611)	(21.375.172.944)
- Thu nhập không chịu thuế khác	530.879	18.466.165.056
- Thu nhập từ công ty liên doanh liên kết	56.228.882.588	279.857.123.920
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	19.038.655.353	182.883.118.067
- Lãi vay không được tính là chi phí hợp lý	358.586.667	33.600.000.000
- Chi hỗ trợ kinh phí đoàn thể	-	414.620.000
- Chi phát triển thị trường	-	1.929.495.086
- Các khoản chi phí khác	18.680.068.686	146.939.002.981
Thu nhập chịu thuế	133.942.884.401	236.270.600.268
Chuyển lỗ các năm trước	82.544.230.359	68.625.841.940
Thu nhập tính thuế	51.398.654.042	167.644.758.328
Thu nhập tính thuế 15%	-	134.543.475.328
Thu nhập tính thuế 20%	5.002.544.315	2.446.088.443
Thu nhập tính thuế 22%	46.396.109.727	30.655.194.557
Thuế suất ưu đãi	15%	15%
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.207.653.003	28.334.537.627

Ghi chú: (i) Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các năm trước do đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính (xem Thuyết minh số 27) của khoản Phải thu dài hạn từ Grupo De La Electronica Cộng hòa Cuba đã thu được trong năm 2014.

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	115.982.444	4.202.033.884
Hoàn nhập Thuế hoãn lại phải trả	(18.889.901.565)	(2.597.299.897)
Hoàn nhập Tài sản thuế hoãn lại	2.525.158.071	-
Cộng	(16.248.761.049)	1.604.733.987

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 26 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kê toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	774.097.045.990	1.635.168.875.823
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(124.540.543.608)	(467.631.476.669)
Nợ thuần	649.556.502.382	1.167.537.399.154
Vốn chủ sở hữu	1.542.972.330.441	1.632.907.421.638
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>42,10%</u>	<u>71,50%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.540.543.608	467.631.476.669
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.154.280.461.364	1.909.842.741.597
Đầu tư tài chính ngắn hạn	92.003.750.000	77.535.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	323.934.732.055	927.729.493.654
Các khoản ký quỹ	2.227.391.747	1.298.624.159
Tổng cộng	<u>1.696.986.878.774</u>	<u>3.384.037.336.079</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	774.097.045.990	1.635.168.875.823
Phải trả người bán và phải trả khác	238.463.114.981	463.770.442.715
Chi phí phải trả	20.243.907.264	5.582.131.769
Tổng cộng	<u>1.032.804.068.235</u>	<u>2.104.521.450.307</u>

Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Theo đó, Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo giá trị ghi sổ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá cả của các loại hàng hóa, nguyên liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm/cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	985.542.590.149	1.286.816.145.403	652.490.325.174	798.197.646.573

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.540.543.608	-	124.540.543.608
Phải thu khách hàng và phải thu khác	461.146.124.179	693.134.337.185	1.154.280.461.364
Đầu tư tài chính ngắn hạn	92.003.750.000	-	92.003.750.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	323.934.732.055	323.934.732.055
Các khoản ký quỹ	2.227.391.747	-	2.227.391.747
Tổng cộng	679.917.809.534	1.017.069.069.240	1.696.986.878.774
Tại 31/12/2014			
Các khoản vay	71.503.204.379	702.593.841.611	774.097.045.990
Phải trả người bán và phải trả khác	236.097.247.481	2.365.867.500	238.463.114.981
Chi phí phải trả	20.243.907.264	-	20.243.907.264
Tổng cộng	327.844.359.124	704.959.709.111	1.032.804.068.235
Chênh lệch thanh khoản thuần	352.073.450.410	312.109.360.129	664.182.810.539
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	467.631.476.669	-	467.631.476.669
Phải thu khách hàng và phải thu khác	621.320.884.620	1.288.521.856.977	1.909.842.741.597
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	77.535.000.000	77.535.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	927.729.493.654	927.729.493.654
Các khoản ký quỹ	1.298.624.159	-	1.298.624.159
Tổng cộng	1.090.250.985.448	2.293.786.350.631	3.384.037.336.079
Tại 01/01/2014			
Các khoản vay	293.387.736.499	1.341.781.139.324	1.635.168.875.823
Phải trả người bán và phải trả khác	462.919.533.026	850.909.689	463.770.442.715
Chi phí phải trả	5.582.131.769	-	5.582.131.769
Tổng cộng	761.889.401.294	1.342.632.049.013	2.104.521.450.307
Chênh lệch thanh khoản thuần	328.361.584.154	951.154.301.618	1.279.515.885.772

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

38. THÔNG TIN KHÁC

Theo Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 27/05/2014 về việc giao tiến độ cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Hanel năm 2014-2015, Công ty đang tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp và các bước theo lộ trình cổ phần hóa.

Theo Nghị quyết số 24/BBNQ-HĐTV ngày 31/12/2014 về việc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, quỹ lương và phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014, Công ty mẹ đã trích dự phòng trợ cấp thôi việc với giá trị 1,5 tỷ đồng, trích dự phòng 17% quỹ lương với giá trị 1,98 tỷ đồng và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính năm 2014 (như thuyết minh số 29).

Văn phòng Hà Nội

Tầng 4, 168 Đường Láng, P. Thịnh Quang,

Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Tel :+84-4 3577 0781

Fax:+84-4 3577 0787

Email: vacohn@vaco.com.vn

Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, P. 15,

Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Tel :+84-8 3840 6618

Fax:+84-8 3840 6616

Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan,

Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Tel :+84-31 353 4655

Fax:+84-31 353 4316

Email: vacohp@vaco.com.vn